

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2022

V/v: Ly hôn giữa chị M và anh D

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thuý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:** Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐST- HNGĐ ngày 04/7/2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1998 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn LTĐ, xã HA, huyện TT, Thái Bình

*Bị đơn:* Anh Phạm Văn D, sinh năm 1994 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn ST 3, xã T, huyện TT, Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, ý kiến tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị M trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/10/2019. Sau khi kết hôn chị và anh D chung sống tại gia đình nhà anh D. Đến khoảng tháng 5/2020 chị và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Tháng 12/2021 chị đưa con về bên nhà bố mẹ để ở thôn LTĐ, xã HA để ở, từ đó đến nay chị và anh D ly

thân. Hai bên gia đình đã hòa giải động viên nhưng chị và anh D mâu thuẫn đã căng thẳng, không đoàn tụ được nên không có kết quả. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D.

*Về việc nuôi dưỡng con chung:* Chị và anh D có một con chung là Phạm Hà Ph, sinh ngày 01/11/2019, chị là người trực tiếp nuôi con kể từ khi chị và anh D ly thân đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết chị nghị trực tiếp nuôi con, Yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị và anh D không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Phạm Hữu Ch là bố anh Phạm Văn D ngày 22/6/2022 có nội dung: Chị M và anh D kết hôn vào ngày 04/10/2019, chung sống đến khoảng tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp. Từ tháng 6/2020 chị M không cùng chung sống với anh D mà về nhà mẹ đẻ ở thôn LTĐ, xã HA để ở, gia đình đã hòa giải cho anh, chị nhưng không có kết quả. Ông Ch cũng cho biết anh D biết rõ về việc chị M yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng lý do công việc nên anh không đến Tòa án làm việc được.

Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2022 tại UBND xã TT anh Phạm Văn D liên lạc qua số điện thoại của ông Phạm Hữu Ch tại buổi làm việc, anh có ý kiến đồng ý ly hôn với chị M, đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh xác định anh và chị M không có tài sản chung và công nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho chị M ly hôn anh D; Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hà Ph, sinh ngày 01/11/2019, anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh D đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị M và anh D ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Chị M đề nghị giải quyết ly hôn, anh D biết rõ nhưng cũng bỏ mặc không đến làm việc nên không hòa giải được. Lời khai của ông Phạm Hữu Ch là bố đẻ anh D cũng xác định anh D và chị M không có khả năng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho M ly hôn anh D.

[2.2]. *Về con chung:* Chị M và anh D có một con chung là Phạm Hà Ph, sinh ngày 01/11/2019, hiện cháu đang ở với chị M. Chị M có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung nên việc giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hà Ph đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung:* Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

**1. Về hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Thị M ly hôn anh Phạm Văn D

**2. Về việc nuôi dưỡng con chung:** Phạm Thị M ly hôn anh Phạm Văn D có một con chung là Phạm Hà Ph, sinh ngày 01/11/2019. Giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Hà Ph đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

**3. Về phân chia tài sản chung:** Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004108 ngày 04/4/2022. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**5. Quyền kháng cáo:** Chị Phạm Thị Mai có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TT (nơi ĐKKT);
- Thi hành án dân sự huyện TT
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hương Lan**



